TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 07- 9 - 2017
"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Lam.
2. Ông Nguyễn Văn Mười.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2017/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L. - Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Phước L1. Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Ông L1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 22/5/2017, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà và ông Huỳnh Phước L1 kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn bà và ông L1 chung sống hạnh phúc một thời gian. Đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L1 thường xuyên say xỉn, đánh đập mẹ con bà. Bà và ông L1 đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Phước L1.

Về con chung: Bà và ông L1 có 04 con chung tên là: Huỳnh Thị Linh C (Sinh ngày 09/01/2000); Huỳnh Quốc D (sinh ngày 15/01/2002); Huỳnh Thị Su M (Sinh ngày 05/4/2008) và Huỳnh Thị Linh Đ (Sinh ngày 16/7/2011). Do các con đều có

nguyện vọng được sống với bà nên nếu ly hôn bà có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 04 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông L1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về phân chia tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu phân chia tài sản chung gồm 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 67,2 m2 tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nhưng nay bà xin rút yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2017, bị đơn ông Huỳnh Phước L1 trình bày: Ông và bà L kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn bà và ông L1 chung sống hạnh phúc một thời gian. Đến khoảng tháng 4/2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sức khỏe của ông gần đây không tốt, công việc cũng như thu nhập không ổn định nên có xảy ra xích mích. Khi xảy ra mâu thuẫn thì ông có đập phá đồ đạc chứ không đánh đập vợ con như bà L trình bày. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà L có 04 con chung là Huỳnh Thị Linh C (Sinh ngày 09/01/2000); Huỳnh Quốc D (sinh ngày 15/01/2002); Huỳnh Thị Su M (Sinh ngày 05/4/2008) và Huỳnh Thị Linh Đ (Sinh ngày 16/7/2011). Nếu ly hôn ông đồng ý sẽ căn cứ vào nguyện vọng của các con để đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

Về phân chia tài sản chung : Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và hướng giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn và trách nhiệm nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị L và ông Huỳnh Phước L1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà L đã khởi kiện xin ly hôn ông L1 và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung tại Tòa án. Như vậy, tranh chấp giữa bà L và ông L1 là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L1 là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả hai đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thực tế hiện nay hai người đã không còn chung sống với nhau. Ông L1 cho rằng tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông L1 thì thấy rằng giữa bà L và ông L1 đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2016 đến nay. Các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Bà L và ông L1 có 04 con chung là Huỳnh Thị Linh C (Sinh ngày 09/01/2000); Huỳnh Quốc D (sinh ngày 15/01/2002); Huỳnh Thị Su M (Sinh ngày 05/4/2008) và Huỳnh Thị Linh Đ (Sinh ngày 16/7/2011). Quá trình giải quyết vụ án cả bà Lan và ông Long đều đồng ý sẽ căn cứ vào nguyện vọng của các con để đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con. Tòa án đã lấy ý kiến của các con chung của bà L và ông L1 thì các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nếu bà L và ông L1 ly hôn. Xét thấy bà L và ông L1 đều đồng ý sẽ căn cứ vào nguyện vọng của các con để đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX căn cứ vào nguyện vọng của các cháu để xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung và chấp nhận yêu cầu của bà L về yêu cầu được nuôi con đến tuổi trưởng thành. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Cả bà L và ông L1 đều không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

- Về phân chia tài sản: Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu phân chia tài sản chung gồm 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 67,2 m2 tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên ngày 24/7/2017 bà Lan đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phân chia tài sản chung. Việc bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, ông L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân chia tài sản chung nên HĐXX xét thấy cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung của nguyên đơn.

- Về án phí: Cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Phước L1.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị L được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung là: Huỳnh Thị Linh C (Sinh ngày 09/01/2000); Huỳnh Quốc D (Sinh ngày 15/01/2002); Huỳnh Thị Su M (Sinh ngày 05/4/2008) và Huỳnh Thị Linh Đ (Sinh ngày 16/7/2011) đến tuổi trưởng thành. Ông Huỳnh Phước L1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản chung.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2014/0043466 ngày 26/5/2017. Hoàn trả cho bà Lan số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Ngọc San

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.